

## **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính  
từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2020



# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 10
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	11
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 13
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	14
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	15 - 16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ giữa niên độ	17
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	18
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	19 - 20
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	21 - 48

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## THÔNG TIN CHUNG

### Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM ("Quỹ") được thành lập ngày 07 tháng 02 năm 2020 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 41/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 07 tháng 02 năm 2020. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 50.100.000.000 VND, tương đương với 5.010.000,00 Chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 50.844.226.300 VND, tương đương với 5.084.422,63 Chứng chỉ Quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ hướng tới việc bảo toàn vốn, nhưng vẫn tối đa hóa lợi nhuận và tăng thanh khoản cho Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo từng thời điểm phụ thuộc vào điều kiện thị trường và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Nhà đầu tư, nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành.

### Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 78/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 09 năm 2018.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 99,97% bởi Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm: quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Công ty có Trụ sở chính tại tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là Ông Nguyễn Việt Hà – chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam – Chi nhánh Hà Thành.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Kiều Phương Khoan	Chủ tịch, Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2019
Ông Phạm Thiên Quang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2019
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2019
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2019

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM ("Quỹ") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam ("Ban Giám đốc") chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình đầu tư giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo ý kiến của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và tình hình đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ

Ông Kiều Phương Khoa  
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2020

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

a. *Tên của quỹ:*

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom (PVBF)

b. *Loại hình quỹ:*

Quỹ mở

c. *Mục tiêu đầu tư của quỹ:*

Quỹ hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn, nhưng vẫn tối đa hóa lợi nhuận và tăng thanh khoản cho Chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.

d. *Thời hạn hoạt động của quỹ:*

Không giới hạn

e. *Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio):*

Không có

f. *Chính sách phân chia lợi nhuận:*

Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

g. *Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:*

5.084.422,63 Chứng chỉ Quỹ

h. *Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo*

Theo Thông báo số 112/QLQ-PVBF của PVCB Capital gửi UBCKNN ngày 19/03/2020 về việc sửa đổi Điều lệ Quỹ PVBF, các nội dung sửa đổi bao gồm:

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	<p>Điểm a Khoản 1 Điều 62:</p> <p>a) Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ. Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom là 1%NAV/năm (<i>một phần trăm Giá trị tài sản ròng của Quỹ trên năm</i>). Giá dịch vụ Quản lý Quỹ có thể tăng khi được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua.</p> <p>Tổng Giá dịch vụ quản lý quỹ và các chi phí khác mà Quỹ chi trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.</p>	<p>Điểm a Khoản 1 Điều 62:</p> <p>a) Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ. Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom là 0,5%NAV/năm (<i>không phẩy năm phần trăm Giá trị tài sản ròng của Quỹ trên năm</i>). Giá dịch vụ Quản lý Quỹ có thể tăng khi được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua.</p> <p>Tổng Giá dịch vụ quản lý quỹ và các chi phí khác mà Quỹ chi trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.</p>	Nhằm mục tiêu mang lại mức lợi suất tốt nhất cho các Nhà đầu tư khi tham gia vào Quỹ PVBF.

i. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo

Theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư số 01/2020/NQ-PVBF ngày 19/03/2020 về việc giảm giá dịch vụ quản lý quỹ và miễn trả thù lao cho Ban đại diện của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom, các nội dung được thông qua gồm:

	Mức hiện tại	Mức đề xuất
Giá dịch vụ quản lý quỹ trả cho Công ty Quản lý quỹ	1%/giá trị tài sản ròng của quỹ/năm	0,5%/giá trị tài sản ròng của quỹ/năm
Thù lao trả cho Ban Đại diện quỹ	3.000.000 VNĐ/người/tháng	Miễn trả thù lao

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

- j. Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: Công ty quản lý quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở.

### 2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

- a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06/2020, cụ thể:

- Danh mục đầu tư của quỹ:

Danh mục đầu tư	Tỷ trọng trong tổng tài sản (%)
Trái phiếu niêm yết	36,06%
Chứng chỉ tiền gửi	54,83%
Hợp đồng tiền gửi	5,75%
Tài sản khác	3,36%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>100%</b>

- Giá trị tài sản ròng của quỹ @30/6/2020: 52.023.796.657 VNĐ
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ @30/6/2020: 10.231,99 VNĐ/CCQ
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành @30/06/2020: 5.084.422,63 CCQ
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/thấp nhất 6 tháng đầu năm: 9.993,02 – 10.231,99 VNĐ/CCQ
- Tổng lợi nhuận của quỹ:

I	<b>Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (1.1+1.2+1.3)</b>	<b>1.303.852.376</b>
1.1	Cổ tức, trái tức được nhận từ trái phiếu	673.573.573
1.2	Lãi được nhận từ CCTG và HĐTG	1.049.590.773
1.3	Chi phí	(419.311.970)
II	<b>Lãi (lỗ) từ đầu tư trái phiếu</b>	<b>(121.100.762)</b>
III	<b>Tổng lợi nhuận của quỹ sau thuế (III=I+II)</b>	<b>1.182.751.614</b>

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: không có.
- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ

Chi tiêu	Kỳ báo cáo 07/02-30/06/2020
Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	2,07%

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### 2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo 07/02-30/06/2020
Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/(2 x Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ)	118,27%

- b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

(i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm)	1.182.751.614
---	---------------

- c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp giá trị tài sản được quy định trong sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ và được rà soát bởi Ngân hàng Giám sát BIDV- Chi nhánh Hà Thành
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoan được cung cấp bởi các cơ quan và tổ chức uy tín trên thị trường như HNX, HSX

- d) Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

### 3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

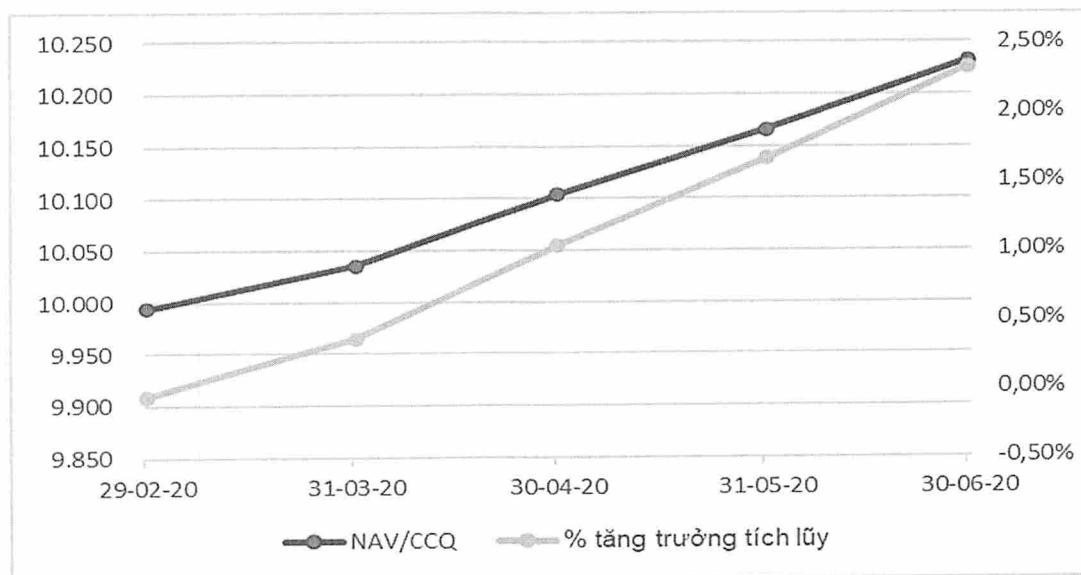
- Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: không có
- Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Trong giai đoạn từ 07/02/2020 đến 30/6/2020, quỹ đã ghi nhận mức tăng trưởng 2,32%, tương đương với mức quy năm khoảng 5,96%/năm.
- So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): không có
- Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo: Hoạt động đầu tư của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng tập trung đầu tư vào các tài sản an toàn nhưng có lợi suất cố định tốt như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu niêm yết và Hợp đồng tiền gửi. Công ty Quản lý quỹ cũng nghiên cứu đánh giá các biến động của thị trường lãi suất, cũng như mức rủi ro tiềm ẩn của mỗi loại tài sản đầu tư để quyết định phân bổ tỷ trọng đầu tư phù hợp với mục tiêu của quỹ và các hạn chế theo luật chứng khoán liên quan.

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### 3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

- e) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:



- g) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap);

**Kinh tế vĩ mô:** 6 tháng đầu năm 2020, Việt Nam vẫn duy trì được nền tảng kinh tế vĩ mô tương đối ổn định, kinh tế không bị rơi vào suy thoái, tốc độ tăng trưởng GDP 6 tháng đạt 1,81% tuy thấp nhất trong nhiều thập kỷ qua nhưng là mức tăng thuộc nhóm cao nhất so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

**Thị trường tiền tệ:** Nhìn chung do thanh khoản dư thừa trong suốt 6 tháng đầu năm 2020 nên thị trường tiền tệ - trái phiếu của Việt Nam đã chứng kiến sự giảm mạnh của lãi suất ngân hàng cũng như trái phiếu trên các kỳ hạn.

- Lãi suất liên ngân hàng giảm về mức thấp nhất trong vòng nhiều năm qua và các hoạt động thị trường mờ kém sôi động.
- Lợi suất TPCP trung thầu giảm mạnh so với cuối năm 2019, và khối lượng đặt thầu luôn duy trì mức cao gần 3 lần so với khối lượng gọi thầu.
- Thanh khoản trên thị trường thứ cấp duy trì trạng thái tốt, mặt bằng lãi suất trái phiếu có xu hướng giảm.

- h) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ : Không có
- i) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có
- k) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan : Không có
- l) Các thông tin khác : Không có

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### 4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- a) Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát: Không có
- b) Việc đầu tư đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Việc xác định giá trị tài sản ròng đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;
- d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;
- e) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.

### 5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Tổng các chi phí ủy quyền từ 07/02/2020 -30/06/2020	Số tiền (VND) hoặc tỷ lệ %
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	227.445.829
% tổng chi phí ủy quyền/lợi nhuận	19,23%
% tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập	14,20%
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí	54,24%

- b) Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có
- c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng BIDV- chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Tổng các chi phí ủy quyền từ 07/02/2020 -30/06/2020	Giá trị (VND)
Phí lưu ký	87.862.069
Phí Giám sát	24.162.069
Phí quản trị quỹ	72.486.207
Phí đại lý chuyển nhượng	42.935.484
<b>Tổng</b>	<b>227.445.829</b>

- d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Dịch vụ lưu ký, giám sát được ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)- chi nhánh Hà Thành. Theo đánh giá của PVCB Capital, VSD và BIDV- chi nhánh Hà Thành đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tinh chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận, chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập. Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, dự phòng thảm họa và ác bên nhận ủy quyền cho quỹ PVBF được đảm bảo hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital).

Trân trọng ./.

**Giám đốc**  
**Công ty CP Quản lý quỹ**  
**Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam**



Trần Quang Vinh

# Quỹ Đầu Tư Trái phiếu PVcom

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu PVcom ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Công ty CP Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.



Bà Ngô Thị Thu Cúc  
Phó Giám đốc

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Trần Thị Hồng Ngoan

Số tham chiếu: 61603446/22073638/PVBF-LR

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Nhà Đầu tư  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM ("Quỹ"), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2020 và được trình bày từ trang 14 đến trang 48, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ*

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam là công ty quản lý quỹ của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better  
working world

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và tình hình đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.



Đặng Phương Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2020

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

B01g-QM

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/06/2020 VND
1	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>1.602.063.584</b>
3	1.2. Tiền lãi được nhận		1.723.164.346
5	1.4. Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(121.100.762)
10	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>5.329.870</b>
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	6	5.329.870
20	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>		<b>413.982.100</b>
20.1	3.1. Giá quản lý quỹ mở	18.1	129.535.689
20.2	3.2. Giá dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở	18.2	88.004.297
20.3	3.3. Giá dịch vụ giám sát	18.2	24.162.069
20.4	3.4. Giá dịch vụ quản trị quỹ mở	18.2	72.486.207
20.5	3.5. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng		42.935.484
20.8	3.8. Chi phí kiểm toán		33.936.170
20.10	3.10. Chi phí hoạt động khác	7	22.922.184
23	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>1.182.751.614</b>
24	<b>V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>		-
30	<b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	15	<b>1.182.751.614</b>
31	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện		1.303.852.376
32	6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(121.100.762)
40	<b>VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>		-
41	<b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>1.182.751.614</b>

Đại diện có thẩm quyền của

Ngân hàng Giám sát



Công ty Quản lý Quỹ



Ông Nguyễn Thời Đại  
Kế toán Trưởng

Ông Trần Quang Vinh  
Giám đốc

Ngo Thị Thu Cúc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2020

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

B01g-QM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND
	<b>I. TÀI SẢN</b>		<b>52.162.205.769</b>
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	10	80.924.858
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		80.924.858
120	2. Các khoản đầu tư thuần	9	50.407.272.692
121	2.1. Các khoản đầu tư		50.407.272.692
	2.1.1. Trái phiếu		18.807.272.690
	2.1.2. Chứng chỉ tiền gửi		28.600.000.002
	2.1.3. Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng		3.000.000.000
130	3. Các khoản phải thu	11	1.674.008.219
133	3.1. Phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		1.674.008.219
136	3.1.1. Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.674.008.219
100	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>52.162.205.769</b>
	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>138.409.112</b>
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ	19	13.151.722
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.006
316	4. Chi phí phải trả	12	37.507.600
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	13	87.748.784
300	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>138.409.112</b>
400	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</b>		<b>52.023.796.657</b>
411	1. Vốn góp của Nhà Đầu tư	14	50.844.226.300
412	1.1. Vốn góp phát hành		52.197.224.500
413	1.2. Vốn góp mua lại		(1.352.998.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà Đầu tư	14	(3.181.257)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	15	1.182.751.614
430	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUÝ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUÝ</b>		<b>10.231,99</b>
440	<b>V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>		-

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

B02g-QM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

## VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 06 năm 2020
004	Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	5.084.422,63

Đại diện có thẩm quyền của  
Ngân hàng Giám sát



Ngô Thị Thu Cúc  
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2020

Công ty Quản lý Quỹ



Ông Nguyễn Thời Đại  
Kế toán Trưởng

Ông Trần Quang Vinh  
Giám đốc

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

B03g-QM

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

STT	CHỈ TIẾU	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/06/2020 VND
I	<b>Giá trị tài sản ròng đầu kỳ</b>	-
II	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ</b> <i>Trong đó:</i> II.1 Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong kỳ II.2 Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho Nhà Đầu tư trong kỳ	<b>1.182.751.614</b> 1.182.751.614
III	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ</b> <i>Trong đó:</i> III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ Quỹ III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ Quỹ	<b>50.841.045.043</b> 52.203.981.973 (1.362.936.930)
IV	<b>Giá trị tài sản ròng cuối kỳ</b>	<b>52.023.796.657</b>

Đại diện có thẩm quyền của  
Ngân hàng Giám sát

Công ty Quản lý Quỹ



Ông Nguyễn Thời Đại  
Kế toán Trưởng

Ông Trần Quang Vinh  
Giám đốc

Ngô Thị Thu Cúc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2020

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

B04g-QM

## BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

STT	LOẠI TÀI SẢN	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	<b>TRÁI PHIẾU</b>  Trái phiếu niêm yết Trái phiếu doanh nghiệp - MSR118001 Trái phiếu doanh nghiệp - VPL11810	91.000 95.000	101.259,04 100.975,79	9.214.572.640 9.592.700.050	17,67% 18,39%
	<b>Tổng</b>	<b>186.000</b>		<b>18.807.272.690</b>	<b>36,06%</b>
II	<b>CÁC TÀI SẢN KHÁC</b>				
1	Phải thu lãi trái phiếu			680.021.918	1,30%
2	Phải thu lãi tiền gửi và Chứng chỉ tiền gửi			993.986.301	1,91%
	<b>Tổng</b>			<b>1.674.008.219</b>	<b>3,21%</b>
III	<b>TIỀN</b>				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở			80.924.858	0,15%
2	Chứng chỉ tiền gửi			28.600.000.002	54,83%
3	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng			3.000.000.000	5,75%
	<b>Tổng</b>			<b>31.680.924.860</b>	<b>60,73%</b>
IV	<b>TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC</b>			<b>52.162.205.769</b>	<b>100,00%</b>

Đại diện có thẩm quyền của  
Ngân hàng Giám sát



*Ngo Thi Thu Cúc*  
Hà Nội, Việt Nam

Công ty Quản lý Quỹ



Ông Nguyễn Thời Đại  
Kế toán Trưởng

Ông Trần Quang Vinh  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 08 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)  
 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/06/2020 VND
01	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		1.182.751.614
02	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Điều chỉnh</i>		121.100.762
03	- Đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		37.507.600
04	- Chi phí trích trước		
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		1.341.359.976
06	- Tăng các khoản đầu tư		(50.528.373.454)
07	- Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(1.674.008.219)
11	- Tăng phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ		13.151.722
13	- Tăng phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.006
16	- Tăng phải trả phải nộp khác		87.748.784
19	<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(50.760.120.185)</b>
II.	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
31	Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ mở	14	52.203.981.973
32	Tiền chi mua lại Chứng chỉ Quỹ mở	14	(1.362.936.930)
30	<b>Tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>50.841.045.043</b>
40	<b>III. Tăng tiền thuần trong kỳ</b>		<b>80.924.858</b>

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

B05g-QM

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/06/2020 VND
50	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		-
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở <i>Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở</i>		-
55	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	9	80.924.858
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		80.924.858
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở <i>Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở</i>		80.924.858
60	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ</b>		80.924.858

Đại diện có thẩm quyền của  
Ngân hàng Giám sát



Công ty Quản lý Quỹ



Ông Nguyễn Thời Đại  
Kế toán Trưởng

Ông Trần Quang Vinh  
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

#### 1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM ("Quỹ") được thành lập ngày 07 tháng 02 năm 2020 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 41/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 07 tháng 02 năm 2020. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

#### Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 78/GPDC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 09 năm 2018.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 99,97% bởi Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm: quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Công ty có Trụ sở chính tại tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

#### Ngân hàng giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam – Chi nhánh Hà Thành.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

#### *Quy mô vốn*

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 50.100.000.000 VND, tương đương với 5.010.000,00 Chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 50.844.226.300 VND, tương đương với 5.084.422,63 Chứng chỉ Quỹ.

#### *Mục tiêu đầu tư*

Mục tiêu đầu tư của Quỹ hướng tới việc bảo toàn vốn, nhưng vẫn tối đa hóa lợi nhuận và tăng thanh khoản cho Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.

#### *Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ*

##### *Ngày định giá*

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, tần suất giao dịch của Quỹ là một (01) lần một (01) tuần vào ngày thứ Tư hàng tuần; đối với kỳ định giá hàng tháng, quý, năm, Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc tiếp theo liền sau đó.

##### *Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị Quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn đến xuống hai (2) chữ số thập phân.

#### *Tần suất giao dịch Chứng chỉ Quỹ*

Nhà Đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần ("Ngày Giao Dịch"). Trong trường hợp Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ neu trên trùng vào các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù, làm bù theo quy định của pháp luật thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác (nếu ngày kế tiếp vẫn là ngày nghỉ lễ) Theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo về ngày giao dịch bù này trước ít nhất hai (02) tuần trên Trang web của Công ty Quản lý Quỹ.

Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai tại bản cáo bạch, thông báo cho Ngân hàng Giám sát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Việc tăng/giảm tần suất này sẽ được báo cáo Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất kế tiếp và cập nhật trong Điều lệ của Quỹ.

Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### *Hạn chế đầu tư*

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- ▶ Đầu tư ít nhất tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên của Quỹ vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác;
- ▶ Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại; ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng được xác định theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ); cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- ▶ Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mươi phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Không đầu tư quá mươi phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- ▶ Trường hợp đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành phải đáp ứng điều kiện sau:
  - Đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
  - Có đủ tài liệu chứng Minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- ▶ Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại hiếm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Trừ ba (3) trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- ▶ Thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- ▶ Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sát nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; và
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát sinh sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

## 2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Kỳ kế toán

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Quỹ bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06.

Kỳ kế toán giữa niên độ đầu tiên của Quỹ bắt đầu vào ngày 07 tháng 02 năm 2020 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ là đồng Việt Nam ("VND").

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

**3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (Thông tư số 198) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 183/2011/TT-BTC (Thông tư số 183) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC (Thông tư số 15) ngày 20 tháng 1 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183.

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Do vậy, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**3.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.3 Các khoản đầu tư

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng (kể từ ngày giao dịch), trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành, giấy tờ có giá và các công cụ thu nhập cố định khác.

###### *Ghi nhận ban đầu*

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo Thông tư số 198.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu trái tức, tiền lãi gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

###### *Ghi nhận tiếp theo*

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá gốc;
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này; và
- ▶ Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các trái phiếu này.

Giá trị hợp lý được xác định theo các nguyên tắc định giá được trình bày dưới đây.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Dự thu trái tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

###### *Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183, Thông tư số 15 và sổ tay định giá được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)*

*Nguyên tắc định giá*

- ▶ Tiền là số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được xác định là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Chứng chỉ tiền gửi có thẻ chuyển nhượng, tín phiếu Kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Trái phiếu niêm yết

Giá thị trường là giá yết cuối ngày (\*) (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá cộng lãi lũy kế cụ thể như sau:

- ✓ Trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh: Là giá sạch cuối ngày của trái phiếu trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.
- ✓ Trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: Là giá yết cuối ngày của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá hoặc giá thị trường có biến động lớn (\*\*) thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:

- ✓ Giá bình quân của các tổ chức báo giá trong danh sách được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Báo giá phải được cung cấp bởi ít nhất 3 trong 5 tổ chức báo giá không phải là người là có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá được Ban Đại diện Quỹ lựa chọn. Phương pháp này chỉ áp dụng đối với trái phiếu Chính phủ;
- ✓ Giá yết/giá sạch của kỳ định giá gần nhất nhưng không quá 30 ngày tính đến ngày định giá + lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết để chờ đáo hạn hoặc không còn đủ điều kiện niêm yết thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá bằng mệnh giá cộng lãi luỹ kế.

Ghi chú:

(\*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là trung bình cộng của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.

(\*\*) Giá thị trường có biến động lớn được hiểu là giá trái phiếu của kỳ định giá có biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên (đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) và biến động tăng hoặc giảm từ 3% trở lên (đối với trái phiếu doanh nghiệp) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Ghi nhận tiếp theo* (tiếp theo)

*Nguyên tắc định giá* (tiếp theo)

- Trái phiếu chưa niêm yết:

Giá yết (\*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá.

Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:

- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế;
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

*Ghi chú:*

(\*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (đã đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.

- Cổ phiếu

i. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

ii. Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

iii. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch được định giá dựa trên:

Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)*

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

► *Cổ phiếu (tiếp theo)*

Trường hợp không có báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá, là một trong các mức sau:

- ✓ Giá trung bình từ các báo giá; hoặc
- ✓ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến ngày định giá;
- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

iv. Cổ phiếu bị định chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Mệnh giá; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

v. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản được xác định là một trong các mức giá sau:

- ✓ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

vi. Cổ phần, phần vốn góp khác được định giá là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc
- ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

► *Chứng khoán phái sinh*

✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (2) tuần trở lên giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

► *Các tài sản khác*

✓ Là các tài sản được phép đầu tư khác;

✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Lãi/(lỗ) do đánh giá lại các khoản đầu tư*

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

*Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

##### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu và dự thu cổ tức, lãi trái phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng, tiền lãi chứng chỉ tiền gửi và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

##### 4.5 Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.6 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### 4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà Đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi Đơn vị Quỹ có mệnh giá là 10.000 VND.

Số lượng Chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

###### Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà Đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ ở phát hành lần đầu và các lần tiếp theo. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

###### Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà Đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

###### Thặng dư vốn góp của Nhà Đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ và mệnh giá đối với các Chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

###### Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong năm.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối".

###### Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho Nhà Đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.8 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

###### Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

###### Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được thông báo giao dịch từ các công ty chứng khoán và Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

##### 4.9 Chi phí và giá dịch vụ

Các chi phí và giá dịch vụ được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí và giá dịch vụ chủ yếu như sau:

###### Giá dịch vụ quản lý

Giá dịch vụ quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý sẽ là 0,5% và tối đa không quá 2% giá trị tài sản ròng của Quỹ trên năm và được trả sau hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư cho Quỹ.

###### Giá dịch vụ giám sát và lưu ký

Giá dịch vụ giám sát và lưu ký tài sản phải trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tương ứng. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá. Số tiền Quỹ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính cho các kỳ định giá trong tháng, cụ thể như sau:

Giá dịch vụ giám sát Quỹ cho giai đoạn từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 0,02% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá \* Số ngày Theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) và thấp nhất là 5.000.000 VND/tháng (không bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Giá dịch vụ lưu ký cho giai đoạn từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 0,06% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá \* Số ngày Theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) và thấp nhất là 20.000.000 VND/tháng (không bao gồm thuế giá trị gia tăng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐÓ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.9 Chi phí và giá dịch vụ (tiếp theo)

Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán:

<u>STT</u>	<u>Loại dịch vụ</u>	<u>Mức giá dịch vụ (không thuế giá trị gia tăng)</u>
1	Giao dịch cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,03% giá trị giao dịch, giá tối thiểu là 100.000 đồng/ngày giao dịch và giá tối đa là 10.000.000 đồng/ngày giao dịch
2	Giao dịch trái phiếu niêm yết	0,01% giá trị giao dịch hoặc Tối thiểu 100.000 đồng/ngày giao dịch và Tối đa 10.000.000 đồng/ngày giao dịch
3	Giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác	100.000 đồng/giao dịch

Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm phí thanh toán, giá dịch vụ tài khoản (duy trì tài khoản, internet banking ...) phục vụ cho hoạt động của Quỹ và phân phối cổ tức.

##### Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ cho giai đoạn từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 0,03% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá \* Số ngày Theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) và thấp nhất là 15.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

##### Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

<u>STT</u>	<u>Loại phí</u>	<u>Mức giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)</u>
1	Giá dịch vụ cố định tính trên giá trị tài sản ròng hoặc giá trị giao dịch	11.000.000 đồng/tháng
2	Giá dịch vụ tính trên số lượng thực tế phát sinh	Đối với 400 giao dịch đầu tiên trong tháng: Miễn phí

##### Phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

##### Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí trên không bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ. Thủ lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà Đầu tư.

##### Chi phí khác

Chi phí khác được pháp luật cho phép.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.10 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

###### a. Giao dịch trả cổ tức cho Nhà Đầu tư

Khi trả cổ tức cho Nhà Đầu tư, Quỹ phải tuân thủ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

###### b. Giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 03 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ Nhà Đầu tư là tổ chức trong nước. Các Nhà Đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

##### 4.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

##### 4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

## 5. CHÊNH LỆCH GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30/06/2020 VND	Chênh lệch điều chỉnh số cho giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/06/2020 VND
Trái phiếu	18.928.373.452	18.807.272.690	(121.100.762)	(121.100.762)
Chứng chỉ tiền gửi	28.600.000.002	28.600.000.002	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>50.528.373.454</b>	<b>50.407.272.692</b>	<b>(121.100.762)</b>	<b>(121.100.762)</b>

## 6. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/06/2020 VND
Phí môi giới mua trái phiếu	5.329.870
	<b>5.329.870</b>

## 7. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí và thù lao Ban Đại diện Quỹ	16.484.983
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	3.571.429
Phí ngân hàng	2.865.772
	<b>22.922.184</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐÓ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

#### 8. TỶ LỆ GIAO DỊCH QUA TỪNG CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Chi tiết giá trị giao dịch và chi phí giao dịch theo từng công ty môi giới chính trong kỳ như sau:

STT	Các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong kỳ	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua Công ty Chứng khoán trong kỳ báo cáo	Phí dịch vụ giao dịch bình quân
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của Quỹ VND		
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI)	Không liên quan	9.643.179.000	19.390.844.000	49,73%	0,15%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Không liên quan	9.747.665.000	19.390.844.000	50,27%	0,15%
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>19.390.844.000</u></b>		<b><u>100,00%</u></b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

## 9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 như sau:

STT	Các khoản đầu tư	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	Giảm VND	
<b>I Trái phiếu niêm yết</b>						
1	Trái phiếu doanh nghiệp - MSR118001	9.254.808.452	9.214.572.640	-	(40.235.812)	9.214.572.640
2	Trái phiếu doanh nghiệp - VPL11810	9.673.565.000	9.592.700.050	-	(80.864.950)	9.592.700.050
		<b>18.928.373.452</b>	<b>18.807.272.690</b>	-	<b>(121.100.762)</b>	<b>18.807.272.690</b>

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 như sau:

STT	Các khoản đầu tư	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	(Giảm) VND	
<b>II Chứng chỉ tiền gửi</b>						
1	Chứng chỉ tiền gửi v - CD-SHBF-200-24-2020.03	9.000.000.002	9.000.000.002	-	-	9.000.000.002
2	Chứng chỉ tiền gửi - VPBFC/CCTG-7728-CN1.1	9.800.000.000	9.800.000.000	-	-	9.800.000.000
3	Chứng chỉ tiền gửi - CCTG2020.01.15-CN01	9.800.000.000	9.800.000.000	-	-	9.800.000.000
		<b>28.600.000.002</b>	<b>28.600.000.002</b>	-	-	<b>28.600.000.002</b>
<b>III Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	-	-	<b>3.000.000.000</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>50.528.373.454</b>	<b>50.407.272.692</b>	-	<b>(121.100.762)</b>	<b>50.407.272.692</b>

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

## 10. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:	80.924.858
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	<u>80.924.858</u>
	<b><u>80.924.858</u></b>

## 11. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND
Phải thu thu lãi trái phiếu	680.021.918
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	80.035.616
Phải thu chứng chỉ tiền gửi	<u>913.950.685</u>
	<b><u>1.674.008.219</u></b>

## 12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND
Phải trả phí kiểm toán	33.936.170
Phải trả phí quản lý thường niên cho UBCKNN	<u>3.571.430</u>
	<b><u>37.507.600</u></b>

## 13. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND
Phải trả giá dịch vụ quản lý Quỹ mở	43.115.304
Phải trả giá dịch vụ lưu ký tài sản	16.033.480
Phải trả giá dịch vụ quản trị quỹ	13.200.000
Phải trả giá dịch vụ giám sát	4.400.000
Phải trả giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	<u>11.000.000</u>
	<b><u>87.748.784</u></b>

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

## 14. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Đơn vị	Ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)		Phát sinh trong kỳ	Ngày 30 tháng 06 năm 2020
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng (chứng chỉ Quỹ)	CCQ	5.010.000,00	209.722,45	5.219.722,45
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	50.100.000.000	2.097.224.500	52.197.224.500
Thặng dư vốn góp phát hành	VND	-	6.757.473	6.757.473
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ Quỹ	VND	50.100.000.000	2.103.981.973	52.203.981.973
<b>Vốn góp mua lại</b>				
Số lượng (chứng chỉ Quỹ)	CCQ	-	(135.299,82)	(135.299,82)
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	-	(1.352.998.200)	(1.352.998.200)
Thặng dư vốn góp mua lại	VND	-	(9.938.730)	(9.938.730)
Tổng giá trị mua lại	VND	-	(1.362.936.930)	(1.362.936.930)
Chứng chỉ Quỹ				
<b>Số lượng Chứng chỉ Quỹ hiện hành</b>				
Giá trị vốn góp hiện hành	CCQ	5.010.000,00	74.422,63	5.084.422,63
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	50.100.000.000	741.045.043	50.841.045.043
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	-	1.182.751.614	1.182.751.614
Giá trị tài sản ròng hiện hành	VND	50.100.000.000	1.923.796.657	52.023.796.657
Giá trị tài sản ròng hiện hành/1 Chứng chỉ Quỹ	VND/ CCQ	10.000,00		10.231,99

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

## 15. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND</i>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ</b>	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	1.182.751.614
Trong đó:	
- Lợi nhuận đã thực hiện	1.303.852.376
- Lợi nhuận chưa thực hiện	(121.100.762)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>1.182.751.614</b>

## 16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Cho giai đoạn từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

STT	Ngày NAV (*)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND
	7/2/2020	50.100.000.000	5.010.000,00	10.000,00	-
1	18/2/2020	50.084.663.049	5.010.000,00	9.996,94	(3,06)
2	25/2/2020	50.065.080.136	5.010.000,00	9.993,03	(3,91)
3	29/2/2020	50.071.059.406	5.010.000,00	9.994,22	1,19
4	3/3/2020	50.052.912.281	5.010.000,00	9.990,60	(3,62)
5	10/3/2020	50.144.613.458	5.010.000,00	10.008,90	18,30
6	17/3/2020	50.184.620.452	5.010.199,82	10.016,49	7,59
7	24/3/2020	50.217.590.918	5.010.099,91	10.023,27	6,78
8	31/3/2020	51.283.458.854	5.110.165,10	10.035,58	12,31
9	7/4/2020	52.382.010.342	5.209.511,72	10.055,07	19,49
10	14/4/2020	52.478.309.849	5.209.511,17	10.073,56	18,49
11	21/4/2020	51.183.808.947	5.074.511,17	10.086,45	12,89
12	28/4/2020	51.336.783.654	5.082.442,59	10.100,81	14,36
13	30/4/2020	51.369.690.731	5.084.422,63	10.103,35	2,54
14	5/5/2020	51.385.373.761	5.084.422,63	10.106,43	3,08
15	12/5/2020	51.507.609.278	5.084.422,63	10.130,47	24,04
16	19/5/2020	51.568.091.282	5.084.422,63	10.142,37	11,90
17	26/5/2020	51.649.574.471	5.084.422,63	10.158,40	16,03
18	31/5/2020	51.687.807.517	5.084.422,63	10.165,91	7,51
19	2/6/2020	51.763.021.635	5.084.422,63	10.180,71	14,80
20	9/6/2020	51.765.509.968	5.084.422,63	10.181,20	0,49
21	16/6/2020	51.858.171.730	5.084.422,63	10.199,42	18,22
22	23/6/2020	51.974.406.086	5.084.422,63	10.222,28	22,86
23	30/6/2020	52.023.796.657	5.084.422,63	10.231,99	9,72

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ: 51.203.238.978

Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong kỳ

- Mức cao nhất trong kỳ (VND) 10.231,99
- Mức thấp nhất trong kỳ (VND) 9.990,60

(\*): Ngày NAV là ngày xác định giá trị tài sản ròng cho ngày định giá liền sau đó

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

**17. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH**

Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành

*Ngày 30 tháng 6  
năm 2020  
Chứng chỉ Quỹ*  
5.084.422,63

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

## 18. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

### 18.1 Các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/06/2020	
			VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý	129.535.689	
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Thù lao Ban đại diện Quỹ		16.484.983

Giá dịch vụ quản lý là 0,5% giá trị tài sản ròng của Quỹ trên năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

Số dư trọng yếu với bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 07 tháng 02 năm 2020	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
			VND			VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hang TMCP Đại chứng Việt nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phải trả giá dịch vụ quản lý	-	129.535.689	(86.420.385)	43.115.304

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

**18. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC** (tiếp theo)**18.2 Các hợp đồng then chốt khác**

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

<i>Đối tượng</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Giai đoạn từ 07/02/2020 đến 30/06/2020</i>
			<i>VND</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng Giám sát	Giá dịch vụ giám sát	24.162.069
		Giá dịch vụ lưu ký	87.862.069
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ	72.486.207

Số dư trọng yếu tại thời điểm cuối kỳ như sau:

<i>Đối tượng</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Ngày 07 tháng 02 năm 2020</i>	<i>Phát sinh tăng VND</i>	<i>Phát sinh giảm VND</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
			<i>VND</i>			<i>VND</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi ngân hàng	-	68.727.132.833	(68.646.207.975)	80.924.858
		Giá dịch vụ lưu ký phải trả	-	88.004.297	(71.970.817)	16.033.480
		Giá dịch vụ giám sát phải trả	-	24.162.069	(19.762.069)	4.400.000
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ phải trả	-	72.486.207	(59.286.207)	13.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

## 19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà Đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Đại diện quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do các khoản tiền gửi và chứng khoán nợ của Quỹ có lãi suất cố định tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

### *Rủi ro tiền tệ*

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong giai đoạn từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 do Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

### *Rủi ro về giá trái phiếu*

Các trái phiếu do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện Quỹ xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính bán niên, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của Quỹ là 18.807.272.690 đồng Việt Nam. Nếu giá của các trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm 1.880.727.269 đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên 1.880.727.269 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

#### 19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

##### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm trái phiếu và tiền gửi ngân hàng.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các loại trái phiếu Quỹ nắm giữ là trái phiếu của các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam đang niêm yết.

##### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện Quỹ cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

#### 19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

<i>Không kỳ hạn VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Từ 3 đến 12 tháng VND</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm VND</i>	<i>Trên 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>					
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	-	-	-	-
Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ	-	13.151.722	-	-	13.151.722
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	1.006	-	-	1.006
Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	-	-	-	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	87.748.784	-	-	87.748.784
Chi phí phải trả	-	37.507.600	-	-	37.507.600
	<b>- 138.409.112</b>				<b>138.409.112</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

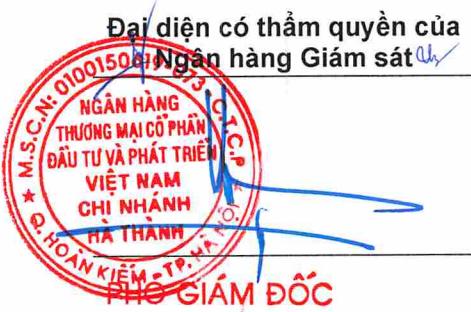
## 20. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn tài chính từ ngày 07/02/2020 đến 30/06/2020
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động</b>	
1	Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,64%
2	Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát và VSD/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,55%
3	Tỷ lệ giá dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,60%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán(nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,17%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,11%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	2,07%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = $(\text{Tổng giá trị danh mục mua vào} + \text{tổng giá trị danh mục bán ra}) / (\text{Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ}/2)$ (%)	118,30%
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu khác</b>	
1	Quy mô quỹ đầu kỳ <i>Tổng giá trị Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành đầu kỳ (theo mệnh giá) (VND)</i> <i>Tổng số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành đầu kỳ (chứng chỉ Quỹ)</i>	50.100.000.000 5.010.000,00
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ <i>Số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ (Chứng chỉ Quỹ)</i> <i>Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)</i> <i>Số lượng Chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ (Chứng chỉ Quỹ)</i> <i>Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của Nhà Đầu tư (theo mệnh giá) (VND)</i>	209.722,45 2.097.224.500 (135.299,82) (1.352.998.200)
3	Quy mô quỹ cuối kỳ <i>Tổng giá trị Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành cuối kỳ theo mệnh giá (VND)</i> <i>Tổng số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành cuối kỳ (Chứng chỉ Quỹ)</i>	50.844.226.300 5.084.422,63
4	Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)	97,84
5	Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của 10 Nhà Đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)	99,82
6	Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)	0,00
7	Số Nhà Đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ, kể cả giao dịch ký danh	102
8	Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ cuối kỳ	10.231,99

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

**21. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KÉ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ.



*Ngo Thị Thu Cúc*

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2020

Công ty Quản lý Quỹ  
CÔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG



Ông Nguyễn Thời Đại  
Kế toán Trưởng

Ông Trần Quang Vinh  
Giám đốc